THIẾT KẾ TÌNH HUỐNG DẠY HỌC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ VIỆT NAM

Nguyễn Viết Hằng[1], Lê Văn Nhương[2]
[1]Ngành lý luận và phương pháp dạy học khóa 31 - Đại học Cần Thơ
[2]Trường Sư phạm - Đại học Cần Thơ
Email: Hangm5424013@gstudent.ctu.edu.vn

Tóm tắt: *Nghiên cứu tập trung giải quyết vấn đề thiết kế tình huống dạy học nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề (NLGQVĐ) cho học sinh lớp 12 trong chủ đề Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam theo Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Bằng việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu lí luận, phân tích nội dung chương trình và khảo sát thực trạng, nghiên cứu đã xác lập hệ thống 4 nguyên tắc thiết kế gồm: bảo đảm mục tiêu và yêu cầu cần đạt; bảo đảm tính thực tiễn và đặc trưng địa lí; bảo đảm khả năng phát triển NLGQVĐ; bảo đảm tính vừa sức và khả thi. Các nguyên tắc này được minh họa thực tiễn qua nội dung "Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc" và "Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng". Nghiên cứu đóng vai trò là khung tham chiếu khoa học giúp giáo viên phổ thông chủ động lựa chọn vấn đề, xây dựng bối cảnh, tổ chức dữ liệu địa lí lãnh thổ và thiết kế các nhiệm vụ học tập phù hợp nhằm phát triển và đánh giá chính xác NLGQVĐ của học sinh.*

Từ khóa: *Tình huống dạy học; dạy học tình huống; năng lực giải quyết vấn đề; Địa lí 12; vùng kinh tế Việt Nam.*

DESIGNING TEACHING SITUATIONS TO DEVELOP STUDENTS' PROBLEM-SOLVING COMPETENCY IN TEACHING THE GEOGRAPHY OF VIETNAM'S ECONOMIC REGIONS

Abstract: *This study addresses the design of teaching situations aimed at developing 12th-grade students' problem-solving competency within the topic 'The Geography of Vietnam's Economic Regions' under the 2018 General Education Curriculum. By integrating theoretical research, curriculum content analysis, and a survey of current pedagogical practices, the research establishes a framework of four design principles: ensuring alignment with learning objectives and expected outcomes; ensuring practical relevance and geographical characteristics; ensuring the potential to develop problem-solving competency; and ensuring appropriateness and feasibility. These principles are practically demonstrated through the curricular units "Exploiting the Strengths of the Northern Midlands and Mountains" and "Socio-economic Development in the Red River Delta". Ultimately, this study serves as a scientific reference framework that enables high school teachers to proactively select problems, construct contextual scenarios, organize regional geographical data, and design tailored learning tasks to effectively foster and accurately assess students' problem-solving competency.*

Keywords: *Teaching situations; case-based teaching; problem-solving competency; Grade 12 Geography; Vietnam's economic regions.*

Nhận bài: 19/07/2026 *Phản biện: 19/08/2026* *Duyệt đăng: 22/08/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chuyển trọng tâm từ trang bị kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực. Trong đó, NLGQVĐ và sáng tạo thể hiện khả năng nhận biết vấn đề, phân tích tình huống, đề xuất, lựa chọn, thực hiện và điều chỉnh giải pháp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Vì vậy, dạy học cần tạo cơ hội để học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng trong các bối cảnh có vấn đề.

Môn Địa lí có nhiều thuận lợi để phát triển NLGQVĐ vì gắn với các mối quan hệ giữa tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội và môi trường. Các hoạt động khai thác bản đồ, biểu đồ, số liệu, phân tích nguyên nhân – hệ quả và đề xuất phương án sử dụng lãnh thổ có sự tương đồng rõ với tiến trình GQVĐ.

Dạy học bằng tình huống tạo môi trường phù hợp cho các hoạt động này. Boehrer (1995) xem tình huống là bối cảnh buộc người học phân tích thông tin và ra quyết định; Rosenstand (2012) nhấn mạnh vai trò của trường hợp thực hoặc mô phỏng trong phân tích và lựa chọn phương án; Barrows (1996) gắn GQVĐ với xác định vấn đề, xử lí thông tin, xây dựng phương án và đánh giá kết quả. Vì vậy, giá trị của tình huống nằm ở khả năng tổ chức hoạt động nhận thức có mục tiêu.

Ở Việt Nam, Trần Văn Biều (2010) nhấn mạnh sự phù hợp giữa tình huống, mục tiêu và trình độ người học; Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường (2014) coi nhiệm vụ thực tiễn là thành tố quan trọng của dạy học phát triển năng lực; Vi Thị Hạnh Thi, Trần Thị Bích Hường và Nguyễn Minh Lan

(2019) đã xây dựng tình huống nhằm phát triển NLGQVĐ thực tiễn trong dạy học Địa lí.

Chủ đề Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam lớp 12 có nhiều tiềm năng tổ chức dạy học GQVĐ qua các vấn đề như khai thác tài nguyên, lao động, nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp hóa, đô thị hóa, sử dụng đất, môi trường và phát triển bền vững. Tuy nhiên, tình huống cần được thiết kế dựa trên mục tiêu bài học, đặc trưng địa lí, cấu trúc năng lực và điều kiện lớp học.

Từ đó, nghiên cứu tập trung xác lập các nguyên tắc thiết kế THDH theo hướng phát triển NLGQVĐ, minh họa qua nội dung Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc và Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng trong dạy học Địa lí 12.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng ba phương pháp chính:

Nghiên cứu lí luận: Phân tích, tổng hợp các tài liệu về NLGQVĐ, dạy học tình huống, dạy học phát triển năng lực và đặc trưng môn Địa lí, làm cơ sở xác định yêu cầu khoa học và sư phạm của THDH.

Phân tích nội dung: Phân tích Chương trình GDPT môn Địa lí và chủ đề Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam nhằm xác định yêu cầu cần đạt, kiến thức trọng tâm, các mối quan hệ địa lí và dữ liệu thực tiễn có thể khai thác để xây dựng tình huống.

Khảo sát: Thực hiện với giáo viên Địa lí và học sinh lớp 12 nhằm xác định thuận lợi, khó khăn trong thực tiễn dạy học. Dữ liệu được mã hóa và xử lí bằng Jamovi, sử dụng các chỉ số thống kê mô tả như điểm trung bình (Mean), làm căn cứ điều chỉnh hệ thống 4 nguyên tắc thiết kế.

Sự kết hợp ba phương pháp giúp hệ thống nguyên tắc vừa có cơ sở lí luận, phù hợp chương trình hiện hành, vừa bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn dạy học.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Xác lập hệ thống nguyên tắc thiết kế tình huống dạy học

Thiết kế THDH theo hướng phát triển NLGQVĐ là quá trình chuyển nội dung học tập thành bối cảnh có vấn đề, trong đó học sinh huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm và dữ liệu để xác định, phân tích và lựa chọn giải pháp phù hợp.

Với chủ đề Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam, tình huống cần phản ánh các mối quan hệ đặc trưng của lãnh thổ như tự nhiên – kinh tế, tài nguyên – khai thác, dân cư – lao động – cơ cấu kinh tế, tổ chức lãnh thổ và phát triển – môi trường. Qua đó, học sinh sử dụng tri thức và phương pháp địa lí để GQVĐ thay vì dựa vào cảm tính.

Trên cơ sở lí luận và kết quả khảo sát thực trạng, nghiên cứu xác lập bốn nguyên tắc thiết kế THDH.

Bảng 1: Hệ thống nguyên tắc thiết kế tình huống dạy học chủ đề Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam

Nguyên tắc	Nội dung định hướng thiết kế	Cơ sở đề xuất
Bảo đảm mục tiêu và yêu cầu cần đạt	Thiết lập sự thống nhất giữa yêu cầu cần đạt, nội dung trọng tâm, vấn đề, nhiệm vụ học tập, biểu hiện NLGQVĐ và sản phẩm đánh giá.	Trần Văn Biều (2010); Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường (2014): tình huống cần phù hợp với mục tiêu, trình độ học sinh và định hướng phát triển năng lực; bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung và nhiệm vụ học tập.
Bảo đảm tính thực tiễn và đặc trưng địa lí	Lựa chọn vấn đề có cơ sở thực tiễn; sử dụng dữ liệu và các mối quan hệ không gian, lãnh thổ, tự nhiên - kinh tế - xã hội làm căn cứ phân tích.	Boehrer (1995); Rosenstand (2012) và các nghiên cứu về dạy học Địa lí: tình huống cần gắn với thực tiễn, tạo yêu cầu phân tích và ra quyết định trên cơ sở dữ liệu, các mối quan hệ không gian, lãnh thổ và kinh tế - xã hội.
Bảo đảm khả năng phát triển NLGQVĐ	Thiết kế nhiệm vụ để học sinh nhận diện vấn đề, phân tích, đề xuất và lựa chọn giải pháp, đánh giá và vận dụng.	Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường (2014) và các nghiên cứu về GQVĐ trong giáo dục Địa lí: nhiệm vụ cần tạo cơ hội để học sinh nhận diện, phân tích vấn đề, đề xuất - lựa chọn, đánh giá và vận dụng giải pháp.

Bảo đảm tính vừa sức và khả thi	Điều chỉnh lượng thông tin, độ phức tạp của dữ liệu, độ mở của nhiệm vụ, thời gian, học liệu và hình thức tổ chức phù hợp với học sinh và điều kiện lớp học.	Trần Văn Biều (2010) và kết quả khảo sát của nghiên cứu: tình huống cần phù hợp với trình độ học sinh; độ khó, lượng dữ liệu, thời gian, học liệu và hình thức tổ chức phải đáp ứng điều kiện dạy học thực tế.

Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

Bốn nguyên tắc có quan hệ chặt chẽ với nhau. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt xác định đích của tình huống; tính thực tiễn và đặc trưng địa lí xác định vấn đề và nguồn dữ liệu; cấu trúc NLGQVĐ định hướng hệ thống nhiệm vụ; tính vừa sức và khả thi giúp điều chỉnh mức độ phức tạp cũng như phương thức triển khai. Một tình huống chỉ phát huy giá trị khi các yêu cầu này được xem xét đồng thời trong quá trình thiết kế.

3.2. Bảo đảm mục tiêu và yêu cầu cần đạt

Mục tiêu và yêu cầu cần đạt là căn cứ đầu tiên khi thiết kế THDH. Giáo viên cần xác định kiến thức, kĩ năng và biểu hiện năng lực cần hình thành trước khi lựa chọn bối cảnh và nhiệm vụ.

Sự phù hợp phải thể hiện xuyên suốt từ nội dung đến câu hỏi và sản phẩm học tập. Với yêu cầu "phân tích", tình huống cần đủ dữ liệu; với "đề xuất", vấn đề cần có độ mở; với "vận dụng", bối cảnh cần gần thực tiễn để học sinh ra quyết định. Có thể khái quát: Yêu cầu cần đạt → Nội dung trọng tâm → Vấn đề thực tiễn → Nhiệm vụ GQVĐ → Biểu hiện năng lực → Sản phẩm đánh giá.

Trong bài Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc, nội dung khoáng sản, cây công nghiệp và chăn nuôi có thể chuyển thành các tình huống về khai thác tài nguyên, chè Tân Cương và bò sữa Mộc Châu. Với bài Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng, có thể xây dựng tình huống về việc làm, sử dụng đất, đô thị hóa hoặc phát triển kinh tế gắn với môi trường. Nguyên tắc này giúp bảo đảm THDH phục vụ trực tiếp yêu cầu cần đạt.

3.3. Bảo đảm tính thực tiễn và đặc trưng địa lí

THDH cần gắn với các vấn đề thực tiễn của vùng và thể hiện những mối quan hệ đặc trưng địa lí như tự nhiên – sản xuất, tài nguyên – khai thác, dân cư – lao động – cơ cấu kinh tế, tổ chức lãnh thổ và phát triển – môi trường.

Dữ liệu như bản đồ, Atlat, biểu đồ, bảng số liệu, hình ảnh hoặc thông tin kinh tế – xã hội phải đủ để học sinh nhận diện và phân tích vấn đề. Chẳng hạn, ở Trung du và miền núi phía Bắc có thể xây dựng tình huống về khai thác khoáng sản gắn với kinh tế và môi trường, chè Tân Cương gắn với chế biến – thương hiệu – thị trường, hoặc bò sữa Mộc Châu gắn với điều kiện tự nhiên, công nghệ và xử lí chất thải.

Ở Đồng bằng sông Hồng, vấn đề việc làm có thể gắn với dân số, lao động, chuyển dịch cơ cấu và đô thị hóa; sử dụng đất gắn với sức ép dân số, công nghiệp và nông nghiệp. Như vậy, tính thực tiễn tạo ý nghĩa cho vấn đề, còn đặc trưng địa lí định hướng cách học sinh tiếp cận và GQVĐ.

3.4. Bảo đảm khả năng phát triển năng lực giải quyết vấn đề

Khả năng phát triển NLGQVĐ không được quyết định bởi việc tình huống có hấp dẫn hay có bối cảnh thực tiễn, mà phụ thuộc chủ yếu vào những hoạt động học sinh phải thực hiện. Một tình huống chỉ yêu cầu đọc thông tin, kể tên hoặc trình bày lại kiến thức sẽ chưa tạo được đầy đủ cơ hội biểu hiện NLGQVĐ.

Trong nghiên cứu này, nhiệm vụ của tình huống được tổ chức theo bốn nhóm hoạt động chính: nhận diện và làm rõ vấn đề; phân tích vấn đề; đề xuất và lựa chọn giải pháp; đánh giá và vận dụng giải pháp.

Bảng 2: Quan hệ giữa xây dựng tình huống dạy học và biểu hiện năng lực giải quyết vấn đề của học sinh

Thành tố	Yêu cầu xây dựng tình huống dạy học	Biểu hiện NLGQVĐ của học sinh
Nhận diện và làm rõ vấn đề	Cung cấp bối cảnh và dữ kiện chứa vấn đề; yêu cầu xác định nội dung trọng tâm cần giải quyết.	Nhận biết dữ kiện liên quan; phát hiện mâu thuẫn hoặc khó khăn; diễn đạt rõ vấn đề.
Phân tích vấn đề	Yêu cầu khai thác bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu và thông tin; xác định nguyên nhân, hệ quả và các mối quan hệ.	Lựa chọn dữ liệu phù hợp; phân tích nguyên nhân - hệ quả; xác lập mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường.

Đề xuất và lựa chọn giải pháp	Yêu cầu xây dựng, so sánh và lựa chọn phương án.	Đề xuất một hoặc nhiều giải pháp; xác định căn cứ; lựa chọn và bảo vệ phương án bằng lập luận.
Đánh giá và vận dụng giải pháp	Yêu cầu xem xét tính khả thi, hiệu quả, hạn chế; điều chỉnh hoặc vận dụng vào trường hợp tương đồng.	Đánh giá ưu điểm, hạn chế và tính khả thi; phản biện, điều chỉnh; vận dụng cách giải quyết sang bối cảnh mới.

Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

Trong tình huống khai thác khoáng sản, học sinh trước hết phải nhận diện mâu thuẫn giữa khai thác thế mạnh tài nguyên và yêu cầu sử dụng hợp lí, bảo vệ môi trường. Tiếp theo, phân tích nguyên nhân và hệ quả từ dữ liệu được cung cấp, đề xuất các giải pháp, so sánh phương án và xác định phương án phù hợp.

Đối với Đồng bằng sông Hồng, học sinh có thể tổng hợp các dữ liệu tự nhiên, dân cư và kinh tế - xã hội, lựa chọn một vấn đề cần ưu tiên giải quyết, xác định nguyên nhân và xây dựng phương án. Qua đó, kiến thức không được tiếp nhận riêng lẻ mà được sử dụng như nguồn lực để xử lí nhiệm vụ.

Thiết kế nhiệm vụ theo cấu trúc của năng lực đồng thời cung cấp căn cứ cho đánh giá. Khả năng xác định vấn đề, lựa chọn dữ liệu, chất lượng lập luận, mức độ phù hợp của giải pháp và khả năng phản biện đều có thể quan sát thông qua hoạt động và sản phẩm học tập.

3.5. Bảo đảm tính vừa sức và khả thi

THDH cần tạo thách thức nhận thức nhưng phù hợp với học sinh lớp 12 về độ dài, số dữ kiện, độ phức tạp, mức độ mở, sản phẩm và thời gian thực hiện.

Khảo sát cho thấy khó khăn lớn nhất là tình huống quá dài hoặc phức tạp (Mean = 3,03), tiếp đến là tìm kiếm và xử lí dữ liệu địa lí thực tế (Mean = 2,92). Vì vậy, giáo viên cần chọn lọc dữ kiện và tập trung vào hạt nhân vấn đề; nhiều dữ liệu không đồng nghĩa với tình huống tốt hơn.

Tính khả thi còn phụ thuộc vào thời lượng, học liệu, phương tiện, sĩ số và hình thức tổ chức. Giáo viên cần dự kiến thời gian cho đọc tình huống, xử lí dữ liệu, thảo luận, xây dựng sản phẩm, báo cáo và phản biện.

Ở Trung du và miền núi phía Bắc, các tình huống về khoáng sản, chè Tân Cương và bò sữa Mộc Châu có thể phân cho các nhóm khác nhau để giảm tải dữ liệu và tăng cơ hội phản biện. Với Đồng bằng sông Hồng, có thể chia dữ liệu tự nhiên và kinh tế – xã hội thành các nhóm trước khi tổng hợp GQVĐ chung, giúp giảm tải thông tin và phù hợp với tính tổng hợp của Địa lí vùng.

3.6. Minh họa vận dụng các nguyên tắc trong Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc và Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng

Để làm rõ khả năng vận dụng hệ thống nguyên tắc, nghiên cứu lựa chọn một số nội dung thuộc Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc và Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.

Bảng 3. Minh họa vận dụng các nguyên tắc thiết kế tình huống trong chủ đề Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam

Vùng	Nội dung	Vấn đề /tình huống	Kiến thức	Biểu hiện của NLGQVĐ	Nguyên tắc thiết kế
	Khoáng sản	Khai thác khoáng sản gắn với hiệu quả kinh tế, sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường	Tài nguyên khoáng sản; phân bố và giá trị khoáng sản; hoạt động khai thác; hiệu quả kinh tế; tác động môi trường	Nhận diện mâu thuẫn; phân tích nguyên nhân - hệ quả; đề xuất, lựa chọn và bảo vệ giải pháp	NT1: gắn yêu cầu chứng minh và khai thác thế mạnh khoáng sản. NT2: vấn đề thực tiễn, thể hiện quan hệ tài nguyên - kinh tế - môi trường. NT3: tạo chuỗi hoạt động nhận diện - phân tích - đề xuất/lựa chọn giải pháp. NT4: giới hạn vấn đề vào khai thác khoáng sản và các dữ liệu trực tiếp liên quan.

Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc	Cây công nghiệp	Nâng cao giá trị chè Tân Cương - Thái Nguyên	Điều kiện sinh thái; thế mạnh cây trồng cận nhiệt; sản xuất, chế biến; chất lượng, thương hiệu và thị trường	Xác định vấn đề; phân tích thế mạnh và hạn chế; đề xuất và lựa chọn giải pháp	NT1: gắn với thế mạnh cây trồng cận nhiệt. NT2: sử dụng sản phẩm chè Tân Cương và quan hệ tự nhiên - sản xuất - thị trường. NT3: yêu cầu phân tích nguyên nhân và lựa chọn giải pháp nâng cao giá trị. NT4: tình huống gần gũi, dữ liệu tập trung vào một sản phẩm cụ thể.
	Chăn nuôi gia súc lớn	Phát triển bò sữa Mộc Châu - Sơn La theo hướng hiệu quả và bền vững	Điều kiện tự nhiên; đồng cỏ và nguồn thức ăn; công nghệ chăn nuôi; liên kết sản xuất; thị trường và môi trường	Phân tích thế mạnh, hạn chế; đánh giá các yếu tố tác động; đề xuất và lựa chọn phương án	NT1: gắn với yêu cầu khai thác thế mạnh chăn nuôi gia súc lớn. NT2: thể hiện quan hệ điều kiện tự nhiên - sản xuất - thị trường - môi trường. NT3: tạo nhiệm vụ phân tích đa yếu tố và lựa chọn phương án. NT4: phạm vi tập trung vào bò sữa Mộc Châu, phù hợp thời lượng và khả năng xử lí của HS
Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	Lao động và việc làm	Dư thừa lao động nông thôn trong khi các khu công nghiệp có nhu cầu lao động có trình độ và tay nghề	Dân số và nguồn lao động; cơ giới hóa nông nghiệp; công nghiệp hóa; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chất lượng lao động và việc làm	Xác định mâu thuẫn; phân tích nguyên nhân; đề xuất và lựa chọn giải pháp	NT1: gắn kiến thức dân cư, lao động và phát triển kinh tế. NT2: vấn đề việc làm có tính thực tiễn rõ. NT3: có mâu thuẫn cần nhận diện, phân tích và giải quyết. NT4: tình huống ngắn, dữ kiện tập trung, phù hợp nhiệm vụ luyện tập.
	Phát triển bền vững của vùng	Lựa chọn một vấn đề nổi bật như ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông, thiếu việc làm hoặc thu hẹp đất nông nghiệp để đề xuất giải pháp	Tổng hợp điều kiện tự nhiên, dân cư, lao động, kinh tế, cơ sở hạ tầng, đô thị hóa, tài nguyên và môi trường	Tổng hợp dữ liệu; lựa chọn và làm rõ vấn đề; phân tích nguyên nhân; đề xuất, lựa chọn, bảo vệ và đánh giá giải pháp	NT1: tổng hợp yêu cầu cần đạt của nội dung. NT2: học sinh lựa chọn vấn đề thực tiễn của vùng. NT3: thể hiện tương đối đầy đủ tiến trình GQVĐ. NT4: cho phép lựa chọn một vấn đề phù hợp với khả năng và dữ liệu của nhóm.

Nguồn: Tác giả xây dựng từ kế hoạch bài dạy thực nghiệm

Các tình huống ở Trung du và miền núi phía Bắc đều xuất phát từ thế mạnh của vùng nhưng được đặt trong mối quan hệ với khó khăn hoặc yêu cầu thực tiễn, buộc học sinh vận dụng kiến thức để giải thích và đề xuất phương án.

Với Đồng bằng sông Hồng, tình huống có thể mang tính tổng hợp hơn. Học sinh phân tích dữ liệu tự nhiên, dân cư, lao động và kinh tế – xã hội; xác định vấn đề như việc làm, sử dụng đất, đô thị hóa hoặc môi trường; sau đó phân tích nguyên nhân, tác động và đề xuất giải pháp.

Hai bài cho thấy hình thức tình huống có thể khác nhau: Trung du và miền núi phía Bắc phù hợp với các tình huống riêng theo từng thế mạnh,

còn Đồng bằng sông Hồng phù hợp với tình huống tổng hợp nhiều nhóm dữ liệu. Tuy nhiên, sự khác biệt này không làm thay đổi bốn nguyên tắc thiết kế nền tảng.

IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu xác lập bốn nguyên tắc thiết kế THDH theo hướng phát triển NLGQVĐ trong chủ đề Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam: bảo đảm mục tiêu và yêu cầu cần đạt; tính thực tiễn và đặc trưng địa lí; khả năng phát triển NLGQVĐ; tính vừa sức và khả thi.

Bốn nguyên tắc có quan hệ chặt chẽ: mục tiêu định hướng nội dung; tính thực tiễn xác định vấn đề và dữ liệu; NLGQVĐ định hướng nhiệm vụ; tính vừa sức giúp điều chỉnh độ khó, thông tin, thời gian và hình thức tổ chức.

Minh họa ở Trung du và miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Hồng cho thấy nội dung Địa lí vùng có thể chuyển thành các tình huống giúp học sinh sử dụng kiến thức và dữ liệu để xác định vấn đề, phân tích và đề xuất giải pháp.

Hệ thống nguyên tắc có thể làm khung tham khảo cho giáo viên khi thiết kế THDH. Nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng sang các vùng, đối tượng và điều kiện dạy học khác, đồng thời kiểm chứng tác động đến NLGQVĐ của học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Barrows, H. S. (1996). Problem-based learning in medicine and beyond: A brief overview. New Directions for Teaching and Learning, 68, 3-12.

Bernd Meier, & Nguyễn Văn Cường. (2014). Lý luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

Boehrer, J. (1995). How to teach a case. Cambridge, MA: Harvard Kennedy School Case Program.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).

Rosenstand, C. A. F. (2012). Case-based learning. In N. M. Seel (Ed.), Encyclopedia of the Sciences of Learning (pp. 503-506). New York, NY: Springer.

Trần Văn Biều. (2010). Các phương pháp dạy học tích cực. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Vi Thị Hạnh Thi, Trần Thị Bích Hường, & Nguyễn Minh Lan. (2019). Xây dựng một số tình huống trong dạy học Địa lí lớp 9 ở trường trung học cơ sở nhằm hình thành năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Hùng Vương, 12(2), 18-25.